

Bình Định, ngày 08 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO - LẦN 2

Về việc mời tham gia báo giá hóa chất, vật tư phục vụ hoạt động khám chữa bệnh tại Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn.

Kính gửi: Quý Công ty.

Căn cứ Luật đấu thầu 43/2013/QH13; Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thực hiện lập kế hoạch mua sắm hóa chất, vật tư phục vụ hoạt động khám chữa bệnh năm 2023 tại Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn. Viện kính mời các Công ty có đủ năng lực tham gia báo giá hàng hóa theo danh mục hàng hóa tại phụ lục 1 kèm theo thông báo.

Yêu cầu đối với báo giá:

- Giá hàng hóa đã bao gồm các loại thuế, vận chuyển, bốc dỡ và giao hàng tại kho Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn.

- Cung cấp tài liệu chứng minh sự phù hợp với phân nhóm trang thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT.

- Đơn giá chào phải phù hợp với giá trúng thầu đã công khai trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia trong thời gian trước đó gần nhất, tối đa không quá 90 ngày từ thời điểm đơn vị chào giá, giá đã kê khai còn hiệu lực theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

- Yêu cầu báo giá theo mẫu tại phụ lục 2.

Báo giá của Quý đơn vị gửi về địa chỉ: Viện Sốt rét- Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn. Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn. Bình Định và 01 bản scan qua **Email: viensrqn@impe-qn.org.vn**.

Thời gian nhận báo giá: Trước 16 giờ 00 ngày 17/03/2023.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Viện;
- Lưu VT, KHTH, TCKT, Tổ thầu.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
SỐT RÉT
KÝ SINH TRÙNG
CÔN TRÙNG
QUY NHƠN
HỒ VĂN HOÀNG

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm Thông báo số: 109 /TB-VSR, ngày 08/3/2023)

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
1	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng amip	96 test/bộ	Bộ	Bộ xét nghiệm giun sán dùng cho máy Elisa bán tự động
2	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng gạo lợn	96 test/bộ	Bộ	
3	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn	96 test/bộ	Bộ	
4	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun đầu gai	96 test/bộ	Bộ	
5	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun lươn	96 test/bộ	Bộ	
6	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun đũa chó	96 test/bộ	Bộ	
7	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán dải chó	96 test/hộp	hộp	Bộ xét nghiệm giun sán dùng cho máy miễn dịch tự động
8	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun lươn	96 test/hộp	hộp	
9	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun đũa chó	96 test/hộp	hộp	
10	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng gạo lợn	96 test/hộp	hộp	
11	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng amip	96 test/hộp	hộp	
12	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn	96 test/hộp	hộp	
13	Bộ xét nghiệm kháng thể H.Pylori IgG	96 test/hộp	hộp	
14	Bộ xét nghiệm kháng thể H.Pylori IgM	96 test/hộp	hộp	
15	Test chẩn đoán nhanh HBeAg	50 test/ hộp	test	
16	Test chẩn đoán nhanh Anti HCV	50 test/ hộp	test	
17	Test chẩn đoán nhanh AFP	20 test/ hộp	test	
18	Test chẩn đoán nhanh HBsAg	50 test/ hộp	test	
19	Test chẩn đoán nhanh HBsAb	50 test/ hộp	test	
20	Test chẩn đoán nhanh H.Pylori IgG	30 test/ hộp	test	

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
21	Nhóm máu A	10ml/lọ	lọ	
22	Nhóm máu B	10ml/lọ	lọ	
23	Nhóm máu AB	10ml/lọ	lọ	
24	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	3x3,5ml/lọ	bộ	
25	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	5lít/hộp	hộp	
26	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	10lít/hộp	hộp	
27	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	1900ml+ 850ml/hộp	hộp	
28	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	10 lít/hộp	hộp	
29	Chất chuẩn máy dùng trên máy phân tích huyết học	3,3ml/Hộp	hộp	
30	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS trên máy phân tích huyết học	4ml/lọ	lọ	
31	Đo hoạt độ ALT (GPT)	300ml/hộp	hộp	
32	Đo hoạt độ AST (GOT)	200ml/hộp	hộp	
33	Định lượng Bilirubin trực tiếp	160ml/hộp	hộp	
34	Định lượng Bilirubin toàn phần	320ml/hộp	hộp	
35	Định lượng Cholesterol toàn phần	180ml/hộp	hộp	
36	Định lượng Creatinin	408ml/hộp	hộp	
37	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	320ml/hộp	hộp	
38	Định lượng Glucose	320ml/hộp	hộp	
39	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	273,6 ml/hộp	hộp	
40	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	273,6 ml/hộp	hộp	
41	Định lượng Triglycerid	250ml/hộp	hộp	
42	Định lượng Ure	424ml/hộp	hộp	
43	Định lượng Acid Uric	240ml/hộp	hộp	
44	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	5 lít/bình	bình	
45	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	2x3ml/hộp	hộp	
46	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	2x1ml/hộp	hộp	
47	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	5ml/lọ	lọ	
48	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm	5ml/ lọ	lọ	

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
	HDL/LDL-Cholesterol			
49	Định lượng HBs Ab	2x50test/hộp	hộp	
50	Chất chuẩn HBs Ab	6x2.5ml/hộp	hộp	
51	Chất kiểm tra xét nghiệm HBsAb	6x3.5ml/hộp	hộp	
52	Phát hiện HBs Ag	2x50test/hộp	hộp	
53	Chất chuẩn HBs Ag	2x2.7ml/hộp	hộp	
54	Chất kiểm tra xét nghiệm HBsAg	6x4ml/hộp	hộp	
55	Cơ chất phát quang	4x130ml/hộp	hộp	
56	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch	3,8lít/bình	bình	
57	Dung dịch rửa máy hàng ngày	1lít/bình	bình	
58	Dung dịch đệm cho xét nghiệm miễn dịch	10lít/thùng	thùng	
59	Định lượng AFP	2x50test/hộp	hộp	
60	Chất chuẩn AFP	7 x 2.5 ml/hộp	hộp	
61	Định lượng total PSA	2x50test/hộp	hộp	
62	Chất chuẩn Hybritech PSA	6 x 2.5 ml/hộp	hộp	
63	Định lượng CA 125	2x50test/hộp	hộp	
64	Chất chuẩn CA 125	6 x 2.5 ml/hộp	hộp	
65	Định lượng Free PSA	2x50test/hộp	hộp	
66	Chất chuẩn Hybritech Free PSA	(1x5 ml+ 5x2.5ml)/hộp	hộp	
67	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức IA PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	12x5 ml/hộp	hộp	
68	Định tính HCV Ab	2x50test/hộp	hộp	
69	Chất chuẩn HCV Ab	2x1ml/hộp	hộp	
70	Chất kiểm tra xét nghiệm HCV Ab V3	2x2x3.5ml/ hộp	hộp	
71	Phát hiện HBc Ab	2x50test/hộp	hộp	
72	Chất chuẩn HBc Ab	2x1ml/hộp	hộp	
73	Chất kiểm tra xét nghiệm HBc Ab	6x2ml/hộp	hộp	
74	Phát hiện HBc IgM	2x50test/hộp	hộp	
75	Chất chuẩn HBc IgM	2x1ml/hộp	hộp	
76	Chất kiểm tra xét nghiệm HBc IgM	6x2,5ml/hộp	hộp	
77	Cartridge 12 thông số	450test/hộp	hộp	
78	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	4x26ml/hộp	hộp	

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
79	Hóa chất chuẩn cho máy xét nghiệm nước tiểu	4x230ml/hộp	hộp	
80	Test chuẩn âm tính	25test/hộp	hộp	
81	Test chuẩn dương tính	25test/hộp	hộp	
82	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	2x500µl/hộp	hộp	
83	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	2x500µl/hộp	hộp	
84	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	500 test/hộp	hộp	
85	Hóa chất nội kiểm level 2	20x5ml/hộp	hộp	
86	Hóa chất nội kiểm level 3	20x5ml/hộp	hộp	
87	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa	6x5ml/hộp	hộp	
88	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa huyết học	3x2ml/hộp	hộp	
89	Gel bôi trơn	82g/tuýp	tuýp	
90	Dung dịch sát khuẩn	5 lít/can	can	
91	Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme	1 lít/can	can	
92	Gel siêu âm	5 lít/can	can	
93	Bộ kit định lượng virus viêm gan B bằng kỹ thuật real-time PCR	50 mẫu/bộ	bộ	
94	Bộ kit định lượng virus viêm gan C bằng kỹ thuật real-time PCR	50 mẫu/bộ	Bộ	
95	Hóa chất tạo dòng chảy trong xét nghiệm huyết học	20 lít/bình	Bình	
96	Hóa chất rửa máy huyết học	2 x 1620 ml/hộp	Hộp	
97	Hóa chất đo công thức máu	9875ml/thùng	Thùng	
98	Hóa chất đo các thành phần bạch cầu	9070ml/thùng	Thùng	
99	Hóa chất control huyết học mức thấp	4 x 4ml/hộp	hộp	
100	Hóa chất control huyết học mức thường	4 x 4ml/hộp	hộp	
101	Hóa chất control huyết học mức cao	4 x 4ml/hộp	hộp	
102	Hóa chất hiệu chuẩn máy	2 x 6.1 ml/hộp	hộp	
103	Dung dịch rửa máy miễn dịch	100ml/hộp	hộp	
104	Dung dịch rửa kim miễn dịch	2x200ml/hộp	hộp	
105	Dung dịch tạo nền phản ứng miễn dịch	2000 test/hộp	hộp	
106	Hóa chất xét nghiệm vi khuẩn H.Pylory	600 test/hộp	hộp	
107	Hóa chất xét nghiệm anti Hbe	50test/hộp	hộp	
108	Hóa chất xét nghiệm anti HBsAg	200test/hộp	hộp	
109	Hóa chất xét nghiệm Anti HBc IgM	100test/hộp	hộp	

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
110	Hóa chất xét nghiệm HBc Total	200test/hộp	hộp	
111	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	50test/hộp	hộp	
112	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	200test/hộp	hộp	
113	Hóa chất xét nghiệm anti HCV	200test/hộp	hộp	
114	Hóa chất xét nghiệm AFP	100test/hộp	hộp	
115	Hóa chất tạo môi trường acid	2x1,5lit/hộp	hộp	
116	Hóa chất tạo môi trường Base	2x1,5lit/hộp	hộp	
117	Hóa chất rửa kim hút 1	2x25ml/hộp	hộp	
118	Hóa chất rửa hệ thống	2x1,5lit/hộp	hộp	
119	Hóa chất rửa kim hút 3	50ml/hộp	hộp	
120	Hóa chất rửa máy, phản ứng	3lit/hộp	hộp	
121	Dung dịch calib (cho xét nghiệm AFP,...)	2x2x10ml/hộp	hộp	
122	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBCT	2x2x7ml/hộp	hộp	
123	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti Hbe	2x2x10ml/hộp	hộp	
124	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti HBs	2x2x10ml/hộp	hộp	
125	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBC IgM	2x2x7ml/hộp	hộp	
126	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBeAg	2x2x10ml/hộp	hộp	
127	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	2x2x10ml/hộp	hộp	
128	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCV	2x2x7ml/hộp	hộp	
129	Băng keo cá nhân	100 cái/hộp	Cái	
130	Bơm tiêm 3cc	100 cái/hộp	Cái	
131	Bông thấm nước	100 gam/gói	Gói	
132	Đầu côn trắng 0.5-10μl	1000 cái/bì	Cái	
133	Đầu côn vàng có khóa 200μl	1000 cái/bì	Cái	
134	Đầu côn xanh 100-1000μl	500 cái/bì	Cái	
135	Ống Serum (ống nắp đỏ)	500 ống/bì	ống	
136	Ống trắng không nắp	500 ống/bì	ống	
137	Gạc y tế	100 miếng/gói	miếng	
138	Dây garo	10 sợi/ gói	Sợi	
139	Ống EDTA nắp cao su	2400 ống/ thùng	ống	
140	Ống nghiệm có nắp 1,5ml	1000 ống/bì	ống	
141	Khẩu trang Y tế	50 cái/ Hộp	Cái	
142	Găng tay y tế có bột	50 đôi/Hộp	đôi	

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
143	Cồn 70	30 lít/ Can	Lít	
144	Mũ y tế	1 cái/bì	cái	
145	Lam kính	72 cái/hộp	hộp	
146	Lamen (22x22)	100 cái/hộp	hộp	
147	Nước cất lần 1	10 lít/can	lít	
148	Nước cất lần 2	5 lít/ can	lít	
149	Dung dịch sát khuẩn tay	10 lít/can	lít	
150	Nước muối sinh lý	1 lít/chai	chai	
151	Đầu côn có màng lọc 1000 μ L	96 cái/hộp	Hộp	
152	Đầu côn có màng lọc 200 μ L	96 cái/hộp	Hộp	
153	Đầu côn có màng lọc 100 μ L	96 cái/hộp	Hộp	
154	Đầu côn có màng lọc 20 μ L	96 cái/hộp	Hộp	
155	Đầu côn có màng lọc 10 μ L	96 cái/hộp	Hộp	
156	Khăn siêu âm	100 cái/thùng	Cái	
157	Phim X-quang KTS 20x25cm	100 tấm/hộp	hộp	
158	Đĩa môi trường	20 hộp/bao	Đĩa	
159	Que nuôi cấy INOX	01 que/bao	que	
160	Tăm bông vô trùng lấy mẫu	50 que/bịch	que	
161	Ống nghiệm thủy tinh 10ml	100 ống/hộp	ống	
162	Đầu col 1000 μ L (chiều dài 73mm)	96 tip/hộp	Hộp	
163	Que nhựa nuôi cấy	50 que/bao	que	
164	Cốc thủy tinh có mỏ	1 cốc/bì	Cốc	
165	Chai thủy tinh Duran	1 chai/bì	Chai	
166	Đĩa petri nhựa	20 đĩa/hộp	đĩa	
167	Đĩa petri thủy tinh	20 đĩa/hộp	đĩa	
168	Bóng đèn halogen	1 cái/hộp	cái	
169	Dây bơm	2 cái/túi	túi	
170	Hạt nhựa Mixbed lọc nước	25 lít/túi	lít	
171	Lõi lọc thô 1 micron	1 cái/hộp	cái	
172	Lõi lọc thô 5 micron	1 cái/hộp	cái	
173	Lõi lọc RO 300	1 cái/hộp	cái	
174	Giếng phản ứng cho dòng máy DxI	1000 cái/gói	gói	
175	Cúp hóa chất 0,5ml để đựng mẫu và hóa chất	1000 cái/gói	gói	
176	Ống đựng mẫu nước tiểu	1.500 cái/	cái	

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
		thùng		
177	Cup phản ứng để đựng mẫu và hóa chất	1000 cái/gói	gói	
178	Cóng đựng hóa chất hiệu chuẩn	1.000 cái/gói	gói	
179	Cóng phản ứng	3.000 cái/ gói	gói	
180	Đầu côn hút	6.480 cái/ gói	gói	
181	Bộ tạo độ ẩm	5 bộ/hộp	hộp	
182	Card định danh nấm	20 thẻ/hộp	Hộp	
183	Card kháng sinh đồ nấm	20 thẻ/hộp	Hộp	
184	Môi trường Sabouraud Chloramphenicol Agar	100gam/lọ	Lọ	
185	DD.Lactophenol Blue	100ml/chai	chai	

PHỤ LỤC 2
MẪU YÊU CẦU BẢO GIÁ
 (Kèm Thông báo số: 109 /TB-VSR, ngày 08/3/2023)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền	Phân nhóm theo TT 14/2020/T T-BYT	Giá kê khai theo NĐ 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021	Giá trúng thầu công khai
1											
2											